

Số: 523 /QĐ-HV

Hà Nội, ngày 30 tháng 5



QUYẾT ĐỊNH

Về việc hiệu chỉnh Chương trình khung giáo dục đại học
ngành Marketing – trình độ đại học

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG

Căn cứ Quyết định số 1766/QĐ-BTTTT ngày 25 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động tạm thời của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông;

Căn cứ Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Xét đề nghị của Trưởng Bộ môn Marketing và Trưởng phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay hiệu chỉnh **Chương trình khung giáo dục đại học ngành Marketing** - trình độ đại học của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông (*Chi tiết kèm theo*).

Điều 2. **Chương trình khung giáo dục đại học ngành Marketing** được áp dụng thống nhất trong tổ chức đào tạo đại học hệ chính quy của Học viện kể từ Khóa đào tạo 2015 trở đi. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, các quyết định trước đây trái với quyết định này đều bị bãi bỏ.

Điều 3. Phó Giám đốc Phụ trách Học viện cơ sở Tp. Hồ Chí Minh, Chánh văn phòng, Trưởng các Phòng: Đào tạo, Giáo vụ, Chính trị & Công tác sinh viên, Tài chính kế toán, Quản lý khoa học & hợp tác quốc tế; Trưởng Trung tâm Khảo thí & Đảm bảo chất lượng giáo dục, Trưởng các Khoa đào tạo 1 và 2, Trưởng Bộ môn Marketing, Viện trưởng Viện Kinh tế, Cơ sở Học viện tại Tp. Hồ Chí Minh và Trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. ✓ *Hạt*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (*để b/c*);
- Bộ Thông tin & Truyền thông (*để b/c*);
- Ban Giám đốc HV;
- Lưu VT, ĐT (03).



CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Tên chương trình: **Marketing**

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Ngành đào tạo: **Marketing**

Loại hình đào tạo: **Chính quy**

(Kèm theo Quyết định số 523/QĐ-HV ngày 30 tháng 5 năm 2016 của Giám đốc Học viện)

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Về kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp

Sinh viên theo học chương trình cử nhân Marketing của Học viện không những được trang bị những kiến thức, kỹ năng cần thiết và tương đối toàn diện, cập nhật về Marketing, mà còn được cung cấp những kiến thức, kỹ năng nền tảng về ICT và ứng dụng ICT trong hoạt động marketing của các doanh nghiệp. Với việc tiên phong trong việc trang bị các kiến thức nền tảng về ICT cho sinh viên, chương trình cử nhân marketing của Học viện cũng cho phép sinh viên ngành marketing có thể hiểu sâu hơn về lĩnh vực ICT, cũng như đặc trưng của các doanh nghiệp và sản phẩm/dịch vụ trong lĩnh vực này.

Đặc biệt, sau khi kết thúc các môn học kiến thức ngành, sinh viên có thể lựa chọn hướng học tập và nghiên cứu chuyên sâu về Internet Marketing hoặc Truyền thông Marketing:

- ***Chuyên ngành Internet Marketing*** nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng nhằm thực hành các công cụ marketing trong kỷ nguyên số, giúp sinh viên có khả năng quản lý, xây dựng kế hoạch marketing và quảng bá hiệu quả trên Internet.
- ***Chuyên ngành Truyền thông Marketing*** nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức chuyên sâu và hệ thống về hoạt động truyền thông marketing để phân tích, nghiên cứu, hoạch định chính sách và giải quyết các vấn đề liên quan đến hoạt động truyền thông marketing trong doanh nghiệp.

Mặt khác, trong chương trình đào tạo ngành marketing, sinh viên cũng được trang bị những kỹ năng mềm như phương pháp làm việc khoa học và chuyên nghiệp, tư duy hệ thống và tư duy phân tích, khả năng trình bày, khả năng giao tiếp và làm việc hiệu quả trong nhóm (đa ngành), hội nhập được trong môi trường quốc tế.

1.2. Về năng lực và cơ hội nghề nghiệp



Với những kiến thức nền tảng vững chắc, hiện đại và thực tiễn liên quan đến Marketing và ICT từ chương trình cử nhân ngành marketing của Học viện, sau khi tốt nghiệp, sinh viên sẽ có nhiều cơ hội việc làm hấp dẫn tại các doanh nghiệp trong nước và nước ngoài. Đặc biệt, với việc được trang bị những kiến thức nền tảng về ICT, sinh viên ngành Marketing của Học viện sẽ có lợi thế đặc biệt khi thi tuyển vào các vị trí marketing của các doanh nghiệp trong lĩnh vực ICT. Các vị trí quan trọng mà sinh viên ngành marketing của Học viện có thể đảm nhận tốt sau khi ra trường là:

- Chuyên viên phụ trách hoạt động truyền thông marketing
- Chuyên viên nghiên cứu thị trường
- Chuyên viên phân tích thị trường (trực tuyến)
- Chuyên viên Marketing trực tuyến
- Chuyên viên SEO
- Chuyên viên phân tích web
- Chuyên viên thương mại điện tử
- Chuyên viên phân tích và phát triển thị trường
- Chuyên viên quan hệ công chúng và tổ chức sự kiện
-

Bên cạnh đó, với nền tảng kiến thức lý thuyết và thực tiễn vững chắc về marketing và ICT, sau khi tốt nghiệp, sinh viên cũng có thể tự tạo lập doanh nghiệp và tìm kiếm cơ hội kinh doanh riêng cho bản thân hoặc trở thành các cán bộ nghiên cứu, cán bộ giảng dạy về marketing tại các Viện, trường Đại học... hoặc tiếp tục học cao hơn ở trình độ Cao học (quản trị kinh doanh, marketing) ở trong và ngoài nước.

1.3. Về Hành vi đạo đức

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo đại học ngành marketing của Học viện, sinh viên sẽ:

- Có phẩm chất đạo đức tốt, tính kỷ luật cao, biết làm việc tập thể theo nhóm, theo dự án, say mê khoa học và luôn tự rèn luyện nâng cao phẩm chất chính trị và năng lực chuyên môn.
- Hiểu biết về các giá trị đạo đức và nghề nghiệp, ý thức về những vấn đề đương đại, hiểu rõ vai trò của các giải pháp quản trị doanh nghiệp trong bối cảnh kinh tế, môi trường, xã hội toàn cầu và trong bối cảnh riêng của đất nước.
- Ý thức được sự cần thiết phải thường xuyên học tập nâng cao trình độ, có năng lực chuyên môn và khả năng ngoại ngữ để tự học suốt đời.

1.4. Về ngoại ngữ

- Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có năng lực tiếng Anh tương đương với trình độ B1 khung tham chiếu chung Châu Âu (CEFR) hay Bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

||
v
o v
G I
C
T H
| ★
||

- Có khả năng sử dụng tiếng Anh tốt trong các hoạt động liên quan đến nghề nghiệp được đào tạo.

2. THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 4 năm

3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 127 tín chỉ (không bao gồm Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng và các môn kỹ năng)

4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH: Học sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương; tham dự và trúng tuyển trong kỳ thi tuyển sinh đại học, cao đẳng chính quy - Tổ hợp môn thi: Toán, Lý, Hóa (khối A) hoặc Toán, Lý, Anh văn (khối A₁), hoặc Văn, Toán, Anh văn (khối D₁).

5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

5.1. Quy trình đào tạo:

- Chương trình đào tạo được thực hiện trong 4 năm gồm 8 học kỳ, trong đó 7 học kỳ tích lũy kiến thức tại Học viện và 1 kỳ thực tập thực tế tại cơ sở. Cuối khóa sinh viên làm khóa luận tốt nghiệp hoặc thi tốt nghiệp.

- Sinh viên được đào tạo theo học chế tín chỉ áp dụng quy chế, quy định đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ hiện hành của Bộ Giáo dục & Đào tạo và của Học viện.

5.2. Công nhận tốt nghiệp

Kết thúc khóa học, sinh viên được công nhận tốt nghiệp và cấp bằng **Đại học chính quy** khi hội đủ các tiêu chuẩn theo Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ.

6. THANG ĐIỂM: Theo thang điểm tín chỉ

7. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

Khối lượng kiến thức: 127 tín chỉ (không bao gồm nội dung về Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng và các môn kỹ năng)

7.1 Cấu trúc chương trình:

STT	Khối kiến thức	Tín chỉ
1	Kiến thức giáo dục đại cương	46
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	71
	<i>Trong đó:</i>	
	- Kiến thức cơ sở và bổ trợ của khối ngành và ngành - Kiến thức chuyên ngành	57 14
3	Thực tập và khóa luận tốt nghiệp	10
	Tổng cộng	127

7.2 Nội dung chương trình

7.2.1 Khối kiến thức chung

TT	Tên môn học	Mã số môn học	Số tín chỉ	Lên lớp (tiết)		Thí nghiệm / Thực hành (tiết)	Tự học (tiết)	Mã số môn học tiên quyết	Phương án lập kế hoạch giảng dạy
				Lý thuyết	Chữa bài tập / Thảo luận				
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	BAS1111	2	24	6				3x(8 ^{LT} +2 ^{BT})
2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	BAS1112	3	24	6		15		3x(8 ^{LT} +2 ^{BT})
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	BAS1122	2	24	6				3x(8 ^{LT} +2 ^{BT})
4	Đường lối cách mạng Đảng cộng sản VN	BAS1102	3	24	6		15		3x(8 ^{LT} +2 ^{BT})
5	Tiếng Anh A11/A21	BAS1141/ BAS1143	3						
6	Tiếng Anh A12/A22	BAS1142/ BAS1144	4						
7	Tiếng Anh A21/B11	BAS1143/ BAS1145	3						
8	Tiếng Anh A22/B12	BAS1144/ BAS1146	4						
9	Tin học cơ sở 1	INT1154	2	20	4	4	2		2x(10 ^{LT} +2 ^{BT})
10	Tin học cơ sở 3	INT1156	2	20	4	4	2		2x(10 ^{LT} +2 ^{BT})
11	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	SKD1108	2	18	6		6		3x(6 ^{LT} +2 ^{BT})
	Tổng:		30						
<i>Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng</i>									
1	Giáo dục thể chất 1	BAS1106	2	2		26	2		Kế hoạch riêng
2	Giáo dục thể chất 2	BAS1107	2	2		26	2		
3	Giáo dục Quốc phòng	BAS1105	3			165			
<i>Kiến thức các môn kỹ năng (chọn 3/7)</i>									
1	Kỹ năng thuyết trình	SKD1101	1	6	8		1		Kế hoạch riêng
2	Kỹ năng làm việc nhóm	SKD1102	1	6	8		1		
3	Kỹ năng tạo lập Văn bản	SKD1103	1	6	8		1		
4	Kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức công việc	SKD1104	1	6	8		1		
5	Kỹ năng giao tiếp	SKD1105	1	6	8		1		
6	Kỹ năng giải quyết vấn đề	SKD1106	1	6	8		1		
7	Kỹ năng tư duy sáng tạo	SKD1107	1	6	8		1		

7.2.2. Kiến thức cơ bản nhóm ngành

TT	Tên môn học	Mã số môn học	Số tín chỉ	Lên lớp (tiết)		Thí nghiệm /Thực hành (tiết)	Tự học (tiết)	Mã số môn học tiên quyết	Phương án lập kế hoạch giảng dạy
				Lý thuyết	Chữa bài tập /Thảo luận				
12	Toán cao cấp 1	BAS1219	2	24	6				$3x(8^{LT}+2^{BT})$
13	Lý thuyết xác suất và thống kê	BAS1210	3	36	8		1		$3x(8^{LT}+2^{BT})+(12^{LT}+2^{BT})$
14	Toán kinh tế	BSA1241	3	36	8		1		$3x(8^{LT}+2^{BT})+(12^{LT}+2^{BT})$
15	Toán cao cấp 2	BAS1220	2	24	6				$3x(8^{LT}+2^{BT})$
16	Pháp luật đại cương	BSA1221	2	24	6				$3x(8^{LT}+2^{BT})$
17	Tâm lý quản lý	BSA1236	2	24	6				$3x(8^{LT}+2^{BT})$
18	Lịch sử các học thuyết kinh tế	BAS1109	2	24	6				$3x(8^{LT}+2^{BT})$
	Tổng:		16						

7.2.3 Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

7.2.3.1. Kiến thức cơ sở khối ngành và ngành

TT	Tên môn học	Mã số môn học	Số tín chỉ	Lên lớp (tiết)		Thí nghiệm /Thực hành (tiết)	Tự học (tiết)	Mã số môn học tiên quyết	Phương án lập kế hoạch giảng dạy
				Lý thuyết	Chữa bài tập /Thảo luận				
19	Kinh tế vi mô 1	BSA1310	3	36	8		1		$3x(8^{LT}+2^{BT})+(12^{LT}+2^{BT})$
20	Kinh tế vĩ mô 1	BSA1311	3	36	8		1		$3x(8^{LT}+2^{BT})+(12^{LT}+2^{BT})$
21	Marketing căn bản	MAR1322	3	36	8		1		$3x(8^{LT}+2^{BT})+(12^{LT}+2^{BT})$
22	Nguyên lý kế toán	FIA1321	3	36	8		1		$3x(8^{LT}+2^{BT})+(12^{LT}+2^{BT})$
23	Kinh tế lượng	BSA1309	3	36	8		1		$3x(8^{LT}+2^{BT})+(12^{LT}+2^{BT})$
24	Quản trị học	BSA1328	3	36	8		1		$3x(8^{LT}+2^{BT})+(12^{LT}+2^{BT})$
25	Hành vi khách hàng	MAR1304	2	24	6				$3x(8^{LT}+2^{BT})$
26	Các hệ thống thông tin trong doanh nghiệp	MAR1315	3	36	8		1		$3x(8^{LT}+2^{BT})+(12^{LT}+2^{BT})$
27	Internet và ứng dụng trong kinh doanh	MAR1333	3	36	8		1		$3x(8^{LT}+2^{BT})+(12^{LT}+2^{BT})$
28	Phát triển và ứng dụng web trong marketing	MAR1334	3	36	8		1		$3x(8^{LT}+2^{BT})+(12^{LT}+2^{BT})$

TT	Tên môn học	Mã số môn học	Số tín chỉ	Lên lớp (tiết)		Thí nghiệm /Thực hành (tiết)	Tự học (tiết)	Mã số môn học tiên quyết	Phương án lập kế hoạch giảng dạy
				Lý thuyết	Chữa bài tập /Thảo luận				
29	Quản trị cơ sở dữ liệu kinh doanh	MAR1312	2	24	6				3x(8 ^{LT} +2 ^{BT})
30	Ứng dụng đa phương tiện trong kinh doanh	MAR1318	2	24	6				3x(8 ^{LT} +2 ^{BT})
31	Quản lý dự án	BSA1349	2	24	6				3x(8 ^{LT} +2 ^{BT})
32	Thương mại điện tử	MAR1323	2	24	6				3x(8 ^{LT} +2 ^{BT})
33	Quản trị marketing	MAR1424	2	24	6			MAR1322	3x(8 ^{LT} +2 ^{BT})
34	Phương pháp nghiên cứu marketing	MAR1309	3	36	8		1		3x(8 ^{LT} +2 ^{BT})+ (12 ^{LT} +2 ^{BT})
35	Truyền thông marketing tích hợp	MAR1314	3	36	8		1	MAR1322	3x(8 ^{LT} +2 ^{BT})+ (12 ^{LT} +2 ^{BT})
36	Marketing dịch vụ	MAR1425	2	24	6			MAR1322	3x(8 ^{LT} +2 ^{BT})
37	Marketing công nghiệp	MAR1426	2	24	6			MAR1322	3x(8 ^{LT} +2 ^{BT})
38	E- Marketing	MAR1427	2	24	6			MAR1322	3x(8 ^{LT} +2 ^{BT})
Các học phần tự chọn (chọn 3/5)									
39	Kế toán quản trị	FIA1334	2	24	6				3x(8 ^{LT} +2 ^{BT})
40	Quản trị thương hiệu	MAR1328	2	24	6				3x(8 ^{LT} +2 ^{BT})
41	Quản trị bán hàng	MAR1329	2	24	6				3x(8 ^{LT} +2 ^{BT})
42	Phân tích hoạt động kinh doanh	BSA1320	2	24	6				3x(8 ^{LT} +2 ^{BT})
43	Luật kinh doanh	BSA1314	2	24	6				3x(8 ^{LT} +2 ^{BT})
Tổng :			57						

7.2.3.2. Kiến thức chuyên ngành

Chuyên ngành Internet Marketing

TT	Tên môn học	Mã số môn học	Số tín chỉ	Lên lớp (tiết)		Thí nghiệm /Thực hành (tiết)	Tự học (tiết)	Mã số môn học tiên quyết	Phương án lập kế hoạch giảng dạy
				Lý thuyết	Chữa bài tập /Thảo luận				
44	Phân tích web	MAR1408	3	36	8		1		3x(8 ^{LT} +2 ^{BT}) + (12 ^{LT} +2 ^{BT})
45	Marketing qua phương tiện truyền thông xã hội	MAR1406	3	36	8		1		3x(8 ^{LT} +2 ^{BT}) + (12 ^{LT} +2 ^{BT})
46	Tổng quan về biên tập web	MAR1413	3	36	8		1		3x(8 ^{LT} +2 ^{BT}) + (12 ^{LT} +2 ^{BT})
47	Marketing bằng công cụ tìm kiếm	MAR1405	3	36	8		1		3x(8 ^{LT} +2 ^{BT}) + (12 ^{LT} +2 ^{BT})
48	Đề án: Kế hoạch Internet marketing	MAR1402	2	6	24				
Tổng:			14						

Chuyên ngành Truyền thông Marketing

TT	Tên môn học	Mã số môn học	Số tín chỉ	Lên lớp (tiết)		Thí nghiệm /Thực hành (tiết)	Tự học (tiết)	Mã số môn học tiên quyết	Phương án lập kế hoạch giảng dạy
				Lý thuyết	Chữa bài tập /Thảo luận				
44	Chiến lược phương tiện truyền thông	MAR1401	3	36	8		1	MAR1322	$3x(8^{LT}+2^{BT}) + (12^{LT}+2^{BT})$
45	Quan hệ công chúng	MAR1411	3	36	8		1	MAR1322	$3x(8^{LT}+2^{BT}) + (12^{LT}+2^{BT})$
46	Marketing trực tiếp	MAR1407	3	36	8		1	MAR1322	$3x(8^{LT}+2^{BT}) + (12^{LT}+2^{BT})$
47	Quản trị quảng cáo	MAR1410	3	36	8		1	MAR1322	$3x(8^{LT}+2^{BT}) + (12^{LT}+2^{BT})$
48	Đề án: Kế hoạch Truyền thông marketing	MAR1403	2	6	24			MAR1322	
	Tổng:		14						

7.2.3.3. Thực tập tốt nghiệp (4TC) và Luận văn tốt nghiệp (6TC) hoặc học phần thay thế tốt nghiệp

8. TIẾN TRÌNH HỌC TẬP CHUẨN VÀ DANH SÁCH HỌC PHẦN TIÊN QUYẾT (Chi tiết kèm theo)

KT. GIÁM ĐỐC
PHỤ GIÁM ĐỐC



TS. Vũ Tuấn Lâm

**KẾ HOẠCH & TIẾN TRÌNH HỌC TẬP CHUẨN
NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH INTERNET MARKETING**

NĂM HỌC THỨ NHẤT

TT	Tên môn học/học phần	Số TC	Học kỳ
1	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác Lênin 1	2	HK1
2	Toán cao cấp 1	2	HK1
3	Tâm lý quản lý	2	HK1
4	Pháp luật đại cương	2	HK1
5	Tin học cơ sở 1	2	HK1
	Giáo dục thể chất 1		HK1
	Giáo dục quốc phòng		HK1
		10	
6	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác Lênin 2	3	HK2
7	Tiếng Anh A11/A21	3	HK2
8	Toán cao cấp 2	2	HK2
9	Lý thuyết xác suất và thống kê	3	HK2
10	Tin học cơ sở 3	2	HK2
11	Kinh tế vi mô 1	3	HK2
	Giáo dục thể chất 2		HK2
		16	

NĂM HỌC THỨ HAI

TT	Tên môn học/học phần	Số TC	Học kỳ
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	HK3
2	Tiếng Anh A12/A22	4	HK3
3	Toán kinh tế	3	HK3
4	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	HK3
5	Kinh tế vi mô 1	3	HK3
6	Marketing căn bản	3	HK3
		17	
7	Đường lối cách mạng của ĐCSVN	3	HK4
8	Nguyên lý kế toán	3	HK4
9	Quản trị học	3	HK4
10	Tiếng Anh A21/B11	3	HK4
11	Hành vi khách hàng	2	HK4
12	Quản trị Marketing	2	HK4
13	Internet và ứng dụng trong kinh doanh	3	HK4
		19	

NĂM HỌC THỨ BA

TT	Tên môn học/học phần	Số TC	Học kỳ
1	Kinh tế lượng	3	HK5
2	Các hệ thống thông tin trong DN	3	HK5
3	Quản lý dự án	2	HK5
4	Tiếng Anh A22/B12	4	HK5
5	Marketing dịch vụ	2	HK5
6	Thương mại điện tử	2	HK5
7	Phát triển và ứng dụng web trong marketing	3	HK5
		19	
8	Phương pháp nghiên cứu Marketing	3	HK6
9	Marketing công nghiệp	2	HK6
10	Ứng dụng đa phương tiện trong kinh doanh	2	HK6
11	Truyền thông marketing tích hợp	3	HK6
12	Quản trị cơ sở dữ liệu kinh doanh	2	HK6
13	E-Marketing	2	HK6
14	3 học phần tự chọn (*)	6	HK6
		20	

NĂM HỌC THỨ TƯ

TT	Tên môn học/học phần	Số TC	Học kỳ
1	Phân tích web	3	HK7
2	Marketing qua phương tiện truyền thông XH	3	HK7
3	Tổng quan về biên tập web	3	HK7
4	Marketing bằng công cụ tìm kiếm	3	HK7
5	Phương pháp luận NCKH	2	HK7
6	Đề án: Kế hoạch Internet marketing	2	HK7
		16	
	Thực tập và tốt nghiệp hoặc học phần thay thế tốt nghiệp	10	HK8
		10	
TỔNG CỘNG:		127	

(): Các học phần tự chọn*

1	Kế toán quản trị	2
2	Quản trị thương hiệu	2
3	Quản trị bán hàng	2
4	Phân tích hoạt động kinh doanh	2
5	Luật kinh doanh	2

**KẾ HOẠCH & TIẾN TRÌNH HỌC TẬP CHUẨN
NGÀNH MARKETING - CHUYÊN NGÀNH TRUYỀN THÔNG MARKETING**

NĂM HỌC THỨ NHẤT

TT	Tên môn học/học phần	Số TC	Học kỳ
1	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác Lênin 1	2	HK1
2	Toán cao cấp 1	2	HK1
3	Tâm lý quản lý	2	HK1
4	Pháp luật đại cương	2	HK1
5	Tin học cơ sở 1	2	HK1
	Giáo dục thể chất 1		HK1
	Giáo dục quốc phòng		HK1
			10
6	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác Lênin 2	3	HK2
7	Tiếng Anh A11/A21	3	HK2
8	Toán cao cấp 2	2	HK2
9	Lý thuyết xác suất và thống kê	3	HK2
10	Tin học cơ sở 3	2	HK2
11	Kinh tế vi mô 1	3	HK2
	Giáo dục thể chất 2		HK2
			16

NĂM HỌC THỨ HAI

TT	Tên môn học/học phần	Số TC	Học kỳ
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	HK3
2	Tiếng Anh A12/A22	4	HK3
3	Toán kinh tế	3	HK3
4	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	HK3
5	Kinh tế vi mô 1	3	HK3
6	Marketing căn bản	3	HK3
			17
7	Đường lối cách mạng của ĐCSVN	3	HK4
8	Nguyên lý kế toán	3	HK4
9	Quản trị học	3	HK4
10	Tiếng Anh A21/B11	3	HK4
11	Hành vi khách hàng	2	HK4
12	Quản trị marketing	2	HK4
13	Internet và ứng dụng trong kinh doanh	3	HK4
			19

NĂM HỌC THỨ BA

TT	Tên môn học/học phần	Số TC	Học kỳ
1	Kinh tế lượng	3	HK5
2	Các hệ thống thông tin trong DN	3	HK5
3	Quản lý dự án	2	HK5
4	Tiếng Anh A22/B12	4	HK5
5	Marketing dịch vụ	2	HK5
6	Thương mại điện tử	2	HK5
7	Phát triển và ứng dụng web trong marketing	3	HK5
			19
8	Phương pháp nghiên cứu marketing	3	HK6
9	Marketing công nghiệp	2	HK6
10	Ứng dụng đa phương tiện trong kinh doanh	2	HK6
11	Truyền thông marketing tích hợp	3	HK6
12	Quản trị cơ sở dữ liệu kinh doanh	2	HK6
13	E-Marketing	2	HK6
14	3 học phần tự chọn (*)	6	HK6
			20

NĂM HỌC THỨ TƯ

TT	Tên môn học/học phần	Số TC	Học kỳ
1	Chiến lược phương tiện truyền thông	3	HK7
2	Quan hệ công chúng	3	HK7
3	Marketing trực tiếp	3	HK7
4	Quản trị quảng cáo	3	HK7
5	Phương pháp luận NCKH	2	HK7
6	Đề án: Kế hoạch truyền thông marketing	2	HK7
			16
	Thực tập và tốt nghiệp hoặc học phần thay thế tốt nghiệp	10	HK8
			10
TỔNG CỘNG:			127

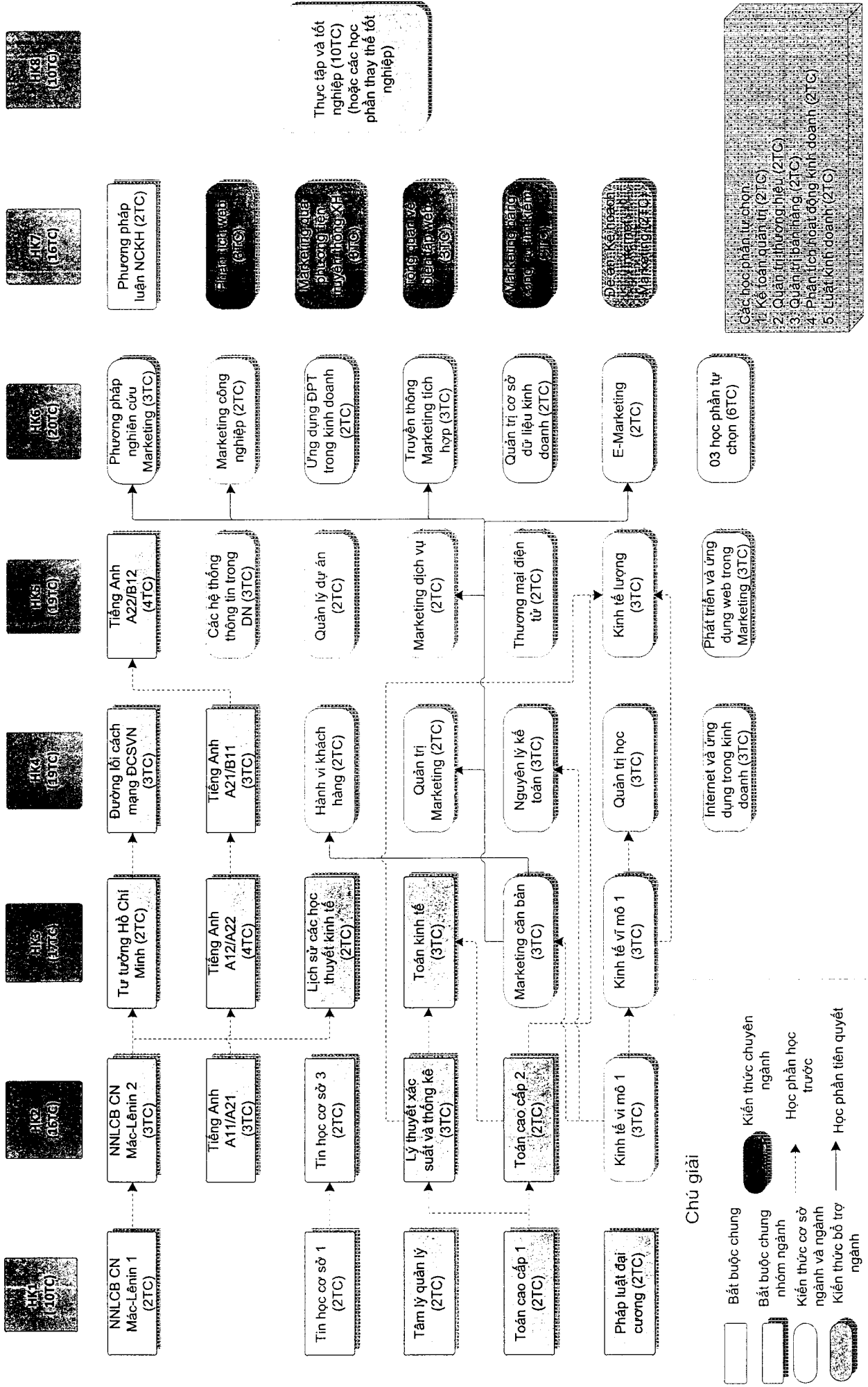
(): Các học phần tự chọn*

1	Kế toán quản trị	2
2	Quản trị thương hiệu	2
3	Quản trị bán hàng	2
4	Phân tích hoạt động kinh doanh	2
5	Luật kinh doanh	2

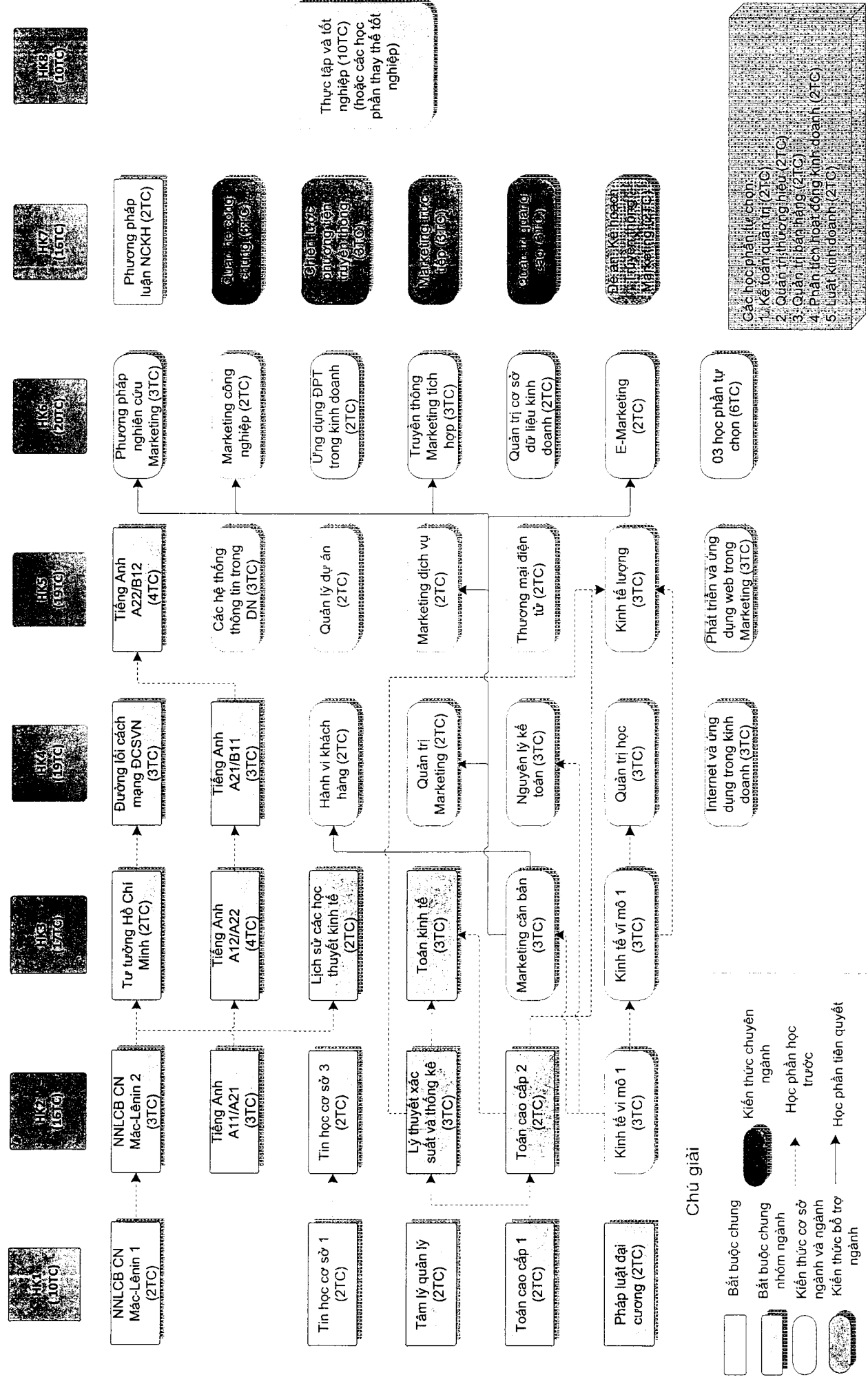
V.I.I
VI
N
H
HC
I
*

TIẾN TRÌNH HỌC TẬP THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ

Ngành: Marketing - Chuyên ngành Internet Marketing



TIẾN TRÌNH HỌC TẬP THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ
Ngành: Marketing - Chuyên ngành Truyền thông Marketing



**TIẾN TRÌNH HỌC TẬP CHUẨN VÀ DANH SÁCH CÁC MÔN HỌC (TIỀN QUYẾT, TRƯỚC SAU, SONG HÀNH)
NGÀNH MARKETING**

TT	Tên môn học/học phần	Mã số môn học	Số TC				Năm học				Môn tiên quyết	Môn học trước	Môn song hành
			nhất	hai	ba	tư	nhất	hai	ba	tư			
1	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác Lênin 1	BAS1111	2	HK1									
2	Toán cao cấp 1	BAS1219	2	HK1									
3	Tâm lý quản lý	BAS1236	2	HK1									
4	Pháp luật đại cương	BAS1221	2	HK1									
5	Tin học cơ sở 1	INT1154	2	HK1									
6	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác Lênin 2	BAS1112	3	HK2								Những nguyên lý cơ bản của CN Mác Lênin 1	
7	Tiếng Anh A11/A21	BAS1141/ BAS1143	3	HK2									
8	Toán cao cấp 2	BAS1220	2	HK2								Toán cao cấp 1	
9	Lý thuyết và xác suất thống kê	BAS1210	3	HK2								Toán cao cấp 1	
10	Kinh tế vi mô 1	BSA1310	3	HK2									
11	Tin học cơ sở 3	INT1156	2	HK2								Tin học cơ sở 1	
12	Tư tưởng Hồ Chí Minh	BAS1122	2	HK3								Những nguyên lý cơ bản của CN Mác Lênin 2	
13	Tiếng Anh A12/A22	BAS1142/ BAS1144	4	HK3								Tiếng Anh A11	
14	Toán kinh tế	BSA1241	3	HK3								Toán cao cấp 2, Lý thuyết XS&TK	
15	Lịch sử các học thuyết kinh tế	BAS1109	2	HK3								Những nguyên lý cơ bản của CN Mác Lênin 2	
16	Kinh tế vĩ mô 1	BSA1311	3	HK3								Kinh Tế vi mô	
17	Marketing căn bản	MAR1322	3	HK3								Kinh Tế vi mô	
18	Nguyên lý kế toán	FIA1321	3	HK4								Kinh tế vi mô 1	
19	Đường lối cách mạng của ĐCSVN	BAS1102	3	HK4								Tư tưởng Hồ Chí Minh	
20	Tiếng Anh A21/B11	BAS1143/ BAS1145	3	HK4								Tiếng Anh A12	
21	Quản trị học	BSA1328	3	HK4								Kinh tế vi mô 1, Kinh tế vi mô 1	
22	Hành vi khách hàng	MAR1304	2	HK4								Marketing căn bản	
23	Quản trị Marketing	MAR1424	2	HK4								Marketing căn bản	
24	Internet và ứng dụng trong kinh doanh	MAR1333	3	HK4									
25	Kinh tế lượng	BSA1309	3	HK5								Toán cao cấp 1,2, Lý thuyết XS&TK, Kinh tế vi mô 1, Kinh tế vi mô 1	
26	Các hệ thống thông tin trong doanh nghiệp	MAR1315	3	HK5									

TT	Tên môn học/học phần	Mã số môn học	Số TC	Năm học				Môn tiên quyết	Môn học trước	Môn song hành
				Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Năm thứ tư			
27	Tiếng Anh A22/B12	BAS1144/	4			HK5		Tiếng Anh A21		
28	Quản lý dự án	BAS1146	2			HK5				
29	Marketing dịch vụ	BSA1349	2			HK5		Marketing căn bản		
30	Thương mại điện tử	MAR1425	2			HK5				
31	Phát triển và ứng dụng web trong marketing	MAR1323	2			HK5				
32	Ứng dụng đa phương tiện trong kinh doanh	MAR1334	3			HK5				
33	Phương pháp nghiên cứu marketing	MAR1318	2			HK6				
34	Marketing công nghiệp	MAR1309	3			HK6		Marketing căn bản		
35	Marketing tích hợp	MAR1426	2			HK6		Marketing căn bản		
36	Truyền thông marketing tích hợp	MAR1314	3			HK6		Marketing căn bản		
37	Quản trị cơ sở dữ liệu kinh doanh	MAR1312	2			HK6				
38	E-Marketing	MAR1427	2			HK6		Marketing căn bản		
39	03 học phần tự chọn (*)		6			HK6				
Chuyên ngành Internet Marketing										
39	Phần tích web	MAR1408	3			HK7				
40	Marketing qua phương tiện truyền thông XH	MAR1406	3			HK7				
41	Tổng quan về biên tập web	MAR1413	3			HK7				
42	Marketing bằng công cụ tìm kiếm	MAR1405	3			HK7				
43	Đề án: Kế hoạch Internet marketing	MAR1402	2			HK7				
44	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	SKD1108	2			HK7				
Chuyên ngành Truyền thông Marketing										
39	Chiến lược phương tiện truyền thông	MAR1401	3			HK7				
40	Quan hệ công chúng	MAR1411	3			HK7				
41	Marketing trực tiếp	MAR1407	3			HK7				
42	Quản trị quảng cáo	MAR1410	3			HK7				
43	Đề án: Kế hoạch truyền thông marketing	MAR1403	2			HK7				
44	Phương pháp luận NCKH	SKD1108	2			HK7				
45	Thực tập và tốt nghiệp		10					HK8		

TỔNG CỘNG: 127

(*): Các học phần tự chọn

- 1 Kế toán quản trị FIA1334 2
- 2 Quản trị thương hiệu MAR1328 2
- 3 Quản trị bán hàng MAR1329 2
- 4 Phân tích hoạt động kinh doanh BSA1320 2
- 5 Luật kinh doanh BSA1314 2